

# CÔNG TY TNHH SXTM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN NH

## BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA GÂN XOẮN HDPE

Áp dụng từ tháng 1 năm 2024

Số TT	Loại ống	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Chiều dài cuộn ống (mét)	Đơn giá (đồng/mét)
1	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 32/25	32 ± 2,0	25 ± 2,0	100 ÷ 200	12,800
2	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 40/30	40 ± 2,0	30 ± 2,0	100 ÷ 200	14,900
3	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 50/40	50 ± 2,0	40 ± 2,0	100 ÷ 200	21,400
4	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 65/50	65 ± 2,5	50 ± 2,5	50 ÷ 100	29,300
5	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 85/65	85 ± 3,0	65 ± 3,0	50 ÷ 100	42,500
6	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 90/72	90 ± 3,0	72 ± 3,0	50 ÷ 100	47,800
7	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 105/80	105 ± 3,0	80 ± 3,0	50 ÷ 100	55,300
8	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 110/90	110 ± 3,5	90 ± 3,5	50 ÷ 100	63,600
9	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 130/100	130 ± 4,0	100 ± 4,0	50 ÷ 100	78,100
10	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 160/125	160 ± 4,0	125 ± 4,0	50 ÷ 100	121,400
11	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 195/150	195 ± 4,0	150 ± 4,0	30 ÷ 50	165,800
12	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 210/160	210 ± 4,0	160 ± 4,0	30 ÷ 50	185,000
13	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 230/175	230 ± 4,0	175 ± 4,0	30 ÷ 50	247,200
14	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 260/200	260 ± 4,0	200 ± 4,0	30 ÷ 50	295,500
15	Ống nhựa xoắn HDPE Tiến Công - TFP Ø 320/250	320 ± 4,0	250 ± 4,0	20 ÷ 30	636,600

\*Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm 08% thuế GTGT và chưa bao gồm phụ kiện